

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HÌNH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HSST
Ngày: 29-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Lưu Chúc.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Xuân Hoà.

- Ông Ksor Y Thư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Kim Vinh – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Sơn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số: 20/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu T (T Vẹo, N Vẹo); sinh năm 1953 tại: Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh P; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Bán vé số; Trình độ học vấn: 05/12; Con ông: Nguyễn Tư (Đã chết) và bà Trần Thị Dơi (Đã chết); Vợ, con: Không có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/9/2020; Bị cáo bị dẫn giải, có mặt.

*** Người bị hại:** Cháu Đàm Thị Như Q, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2004. Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh P. Có mặt.

*** Người đại diện theo pháp luật của người bị hại:** Bà Phạm Thị K, sinh năm 1985 và ông Đàm Văn S, sinh năm 1966. Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh P. Có mặt.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại:** Bà Trần Thị Như T - Luật sư ký hợp đồng của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*** Người làm chứng:** Ông Đỗ Trọng N, sinh năm 1971. Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh P. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như

sau:

Ngày 25/5/2020, Nguyễn Hữu T cùng các ông Đỗ Trọng N, Trương Văn B đến nhà vợ chồng Đàm Văn S ở thôn T, xã Đ, huyện S, tỉnh P để ăn nhậu, rồi S đi vào phòng ngủ, N nằm ngủ ở phòng khách, ông Bình nằm ngủ trước hiên nhà ông S, bà Phạm Thị K là vợ ông S nói với con gái là Đàm Thị Như Q, sinh ngày 02/8/2004 dọn dẹp bát đĩa xuống nhà dưới. Lúc này khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày, lợi dụng lúc mọi người đang ngủ nên T đi theo cháu Q xuống nhà dưới dùng tay ôm cổ hôn vào má, miệng của Q, dùng tay sờ, bóp vú cháu Q; Lúc này, bà K đi vào nhà thì cũng nhìn thấy ông T đang sờ, bóp vú cháu Q nên hô la, đồng thời gọi ông S dậy, nghe tiếng bà K hô la, T bỏ chạy ra phía trước nhà thì bị ông S đuổi theo dùng tay đánh T hai cái nhưng không gây thương tích, rồi T nhờ ông Bình chở về nhà N.

Qua điều tra còn xác định, ngoài lần thực hiện hành vi dâm ô với cháu Q vào ngày 25/5/2020 thì bị phát hiện, trước đó T đã thực hiện một lần dâm ô với cháu Q. Cụ thể: sáng ngày 22/5/2020, S cùng với cháu Q đến nhà N ở thôn Tân Lập, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên chơi; Tại đây, S, N, T cùng ăn nhậu với nhau, sau đó ông S có việc nên về trước, cháu Q ở lại nhà ông N chơi, một lúc sau thì ông N cũng đi qua nhà hàng xóm chơi. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, tại nhà ông N chỉ còn T và Q, T nói cháu Q pha mì tôm ăn, sau khi ăn xong cháu Q đi vào phòng ngủ của ông N ngồi xuống nền nhà, T thấy vậy nên đi đến ngồi bên cạnh cháu Q, ôm hôn vào má, miệng của cháu Q, T dùng tay sờ, bóp vú cháu Q. Khi T đang thực hiện hành vi trên thì ông N đi chơi về phát hiện thấy T đang ôm hôn cháu Q nên ông N nói với T “chú cháu mà làm gì lạ vậy”, T nghe N nói nhưng không nói gì và buông cháu Q ra. T sợ cháu Q kể sự việc cho cha mẹ biết nên T cho cháu Q 20.000 đồng và dặn cháu Q không được kể cho ai biết. Đến ngày 25/5/2020, sau khi T tiếp tục thực hiện hành vi dâm ô đối với cháu Q bị phát hiện, bà K hỏi nên cháu Q đã kể lại toàn bộ sự việc cho bà K nghe. Sau đó, bà K và ông S báo cáo công an huyện Sông Hình để điều tra làm rõ.

Vật chứng thu giữ: Không.

Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đồng thời bồi thường cho gia đình bị hại 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, đã bồi thường cho cháu Q số tiền 3.000.000 đồng, chấp nhận bồi thường thêm số tiền 20.000.000 đồng theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của người bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại cháu Q trình bày: Lời khai của ông T là đúng sự thật.

- Ông S, bà K - Người đại diện hợp pháp của cháu Q trình bày: Yêu cầu hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thống nhất thoả thuận bị cáo bồi thường thêm số tiền 20.000.000 đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Thống nhất với quan điểm luận tội của kiểm sát viên, về trách nhiệm dân sự đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận bồi thường của bị cáo và gia đình bị hại.

- Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”.

+ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 146 Bộ luật hình sự, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm k khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu T** từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 21/9/2020.

+ **Về trách nhiệm dân sự:** Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền 23.000.000 đồng của bị cáo cho bị hại, đã bồi thường 3.000.000 đồng, còn phải bồi thường 20.000.000 đồng.

+ **Về xử lý vật chứng:** Không.

+ **Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Hình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, tuân thủ đầy đủ theo quy định của thủ tục tố tụng về thu thập tài liệu, chứng cứ của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 25/5/2020, sau khi ăn nhậu tại nhà ông S, bà K thuộc thôn Tân Lập, xã Đức Bình Đông, huyện Sông Hình, lợi dụng lúc mọi người ngủ, T có hành vi ôm hôn vào má, cổ, miệng, dùng tay sờ, bóp vú cháu Q (con đẻ của ông S, bà K). Quá trình điều tra còn xác định được vào ngày 22/5/2020, tại nhà ông N trú cùng thôn, T cũng thực hiện hành vi tương tự đối với cháu Q. Tính đến ngày 25/5/2020 cháu Q (sinh ngày 02/8/2004) chưa đủ 16 tuổi. Hành vi tiếp xúc về thể chất vào bộ phận nhạy cảm, bộ phận khác trên cơ thể của người dưới 16 tuổi có tính chất tình dục nhưng không nhằm quan hệ tình dục của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”. Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện 02 lần thuộc tình tiết định khung “Phạm tội 02 lần trở lên”

quy định tại điểm b khoản 2 Điều 146 Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền được bảo vệ về thân thể, nhân phẩm, danh dự và sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ em nên cần thiết phải xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Cháu Q là người bị hạn chế khả năng nhận thức, thiếu năng trí tuệ, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền 3.000.000 đồng, đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo cho bị hại số tiền 23.000.000 đồng, đã bồi thường 3.000.000 đồng, còn phải bồi thường 20.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Không.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 146 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm k khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 21/9/2020

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 592 Bộ luật dân sự; Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường của bị cáo cho bị hại số tiền 23.000.000 đồng, đã bồi thường 3.000.000 đồng, còn phải bồi thường 20.000.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Không.

5. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại được

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H.Sông Hinh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Công an H.Sông Hinh;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Lưu Chúc